TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 540/2020/DS-PT
Ngày: 21 - 10 - 2020
V/v:"Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Phạm Công Mười

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1118/2020/QĐPT-DS ngày 20/8/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Minh A, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Cư trú: Lausanne Vaud Suise (Thụy Sĩ)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều Lệ Trúc H, sinh năm 1988, nơi cư trú: huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang – là đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/01/2018) (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1978 (có mặt);

Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1978 (có mặt);

Cùng cư trú: huyện Thoại, tỉnh An Giang.

Ông T, bà N cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; trụ sở: ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Thoại Sơn: Ông Đỗ Chí Q, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thoại Sơn - là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 341/GUQ-UBND ngày 20/4/2018) (có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Lệ Trúc H, sinh năm 1988, nơi cư trú: huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt)

3. Cháu Đặng Ngọc T, sinh năm 1998 (có mặt)

4. Cháu Đặng Hữu T, sinh ngày 17/01/2017 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Thiện là: Ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N – đại diện theo pháp luật (cha mẹ của cháu T) (có mặt)

5. Bà Đặng Ngọc Đ (Võ Thị O), sinh năm 1974; (Đơn xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: huyện Thoại, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - ông Đặng Minh A và bị đơn – ông Đặng Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Đặng Minh A trình bày:*

Ông là người Việt Nam định cư tại Thụy Sĩ. Vào năm 1997, ông có gửi tiền về cho bà Tạ Thị C (là mẹ ruột) để nhận chuyển nhượng từ ông Lâm Văn T diện tích đất thổ cư 798,1m^2, tọa lạc tại ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nhờ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà C đã được Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5474QSDĐ/hH ngày 28/7/2003.

Ngày 29/9/2009, bà C lập di chúc để lại cho ông được hưởng phần đất thổ cư diện tích là 10m x 25m = 250m^2, cho Đặng Ngọc T được hưởng phần một cái nhà diện tích 9m x 20m = 180m^2 và một phần đất thổ cư diện tích là 9m x 25m = 225m^2. Nhưng năm 2013 Đặng Ngọc T đã làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH01505 ngày 24/4/2014 do Đặng Ngọc T và Nguyễn Thị Bích N đứng tên toàn bộ diện tích 798,1m^2.

Vợ chồng Ông T đã thế chấp quyền sử dụng đất nói trên tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Vọng Đông để vay số tiền là 90.000.000 đồng cộng với tiền lãi, tổng cộng là 90.911.300 đồng. Đến tháng 07/2017, ông đưa tiền cho bà Nguyễn Thị Kiều Lệ Trúc H là vợ ông, để bà H trả nợ Quỹ tín dụng thay cho Ông T bà N. Vợ chồng Ông T cam kết sau khi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra sẽ tách thửa sang tên cho ông diện tích như di chúc bà C để lại nhưng vợ chồng Ông T không thực hiên.

Nay ông khởi kiện yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp cho Đặng Ngọc T và Nguyễn Thị Bích N; Buộc Đặng Ngọc T và Nguyễn Thị Bích N trả lại cho ông phần diện tích đất 250m^2 (dài 25 x 10m) do mẹ là Tạ Thị C đã để lại trong tờ di chúc; Trả lại số tiền 90.911.130 đồng mà ông đã đưa bà Nguyễn Thị Kiều Lệ Trúc H trả khoản vay của Ông T bà N tại Quỹ tín dụng xã Vọng Đông.

Bị đơn ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Nguồn gốc 798,1m^2 là do bà Tạ Thị C đã cho vợ chồng ông bà quản lý và sử dụng. Vợ chồng ông bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2019 Ông T bà N đồng ý giao phần diện tích 233,6m^2 theo bản vẽ hiện trạng ngày 01/3/2019 nhưng đề nghị được giao giá trị bằng tiền để ông bà được nhận đất sử dụng.

Cuối năm 2013, ông A về Việt Nam và không có tiền xài nên có nhờ bà N vay mượn 10 chỉ vàng 24kara. Nên ngày 26/01/2014, bà N hỏi vay của bà Nguyễn Thị Còn (sinh năm 1953, ngụ tại ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) 10 chỉ vàng 24kara, với lãi suất 3.000.000 đồng/tháng cho ông A, ông A là người trực tiếp nhận vàng. Sau đó, bà Nguyễn vay của bà Hồ Thị B 10 chỉ vàng 24kara, lãi 0,5%/tháng và 15.000.000 đồng, lãi 5%/tháng để thay ông A trả cho bà C. Ngày 26/04/2014, bà N thay ông A trả cả vốn và tiền lãi cho bà Còn. Sau khi vay được ba năm thì bà Bắp yêu cầu trả nợ. Vợ chồng ông bà phải thế chấp quyền sử dụng đất tại Quỹ tín dụng Vọng Đông vay 100.000.000 đồng để trả nợ cho bà Bắp. Cuối năm 2017, ông A về Việt Nam đưa tiền cho bà H đến trả khoản nợ vợ chồng ông bà vay Quỹ tín dụng Vọng Đông và chuộc lại quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông bà không đồng ý với yêu cầu đòi số tiền 100.000.000 đồng của ông A.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Đặng Minh A yêu cầu được nhận diện tích 233,6m^2 đất tranh chấp theo bản vẽ hiện trạng ngày 01/3/2019; yêu cầu Ông T bà N trả lại số tiền 90.911.000đ và yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho Ông T bà N.

Ông T bà N thừa nhận 233,6m^2 đất tranh chấp theo bản vẽ hiện trạng ngày 01/3/2019 là của cha mẹ cho ông A. Ông bà đồng ý giao trả diện tích đất trên cho ông A nhưng yêu cầu trả bằng giá trị quyền sử dụng đất cho ông A và được nhận đất để sử dụng; không đồng ý yêu cầu đòi 90.911.000đ của ông A; không đồng ý điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ, Điều 499 Bộ luật dân sự năm 2015; - Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố utngj dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh A.

Buộc ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N hoàn trả cho ông Đặng Minh A giá trị quyền sử dụng đất là 169.376.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng);*

Buộc ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh A số tiền 90.911.000đồng *(Chín mươi triệu chín trăm mười một ngàn đồng);*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh A về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04508 ngày 24/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp mang tên ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N.

Buộc ông Đặng Minh A giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04508 ngày 24/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp mang tên ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N cho ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N

Ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất là 233,6m^2 theo các điểm 14, 15, 16, 17, 18, 12, 13 thể hiện tại bản vẽ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thoại Sơn lập ngày 01/3/2019. (Kèm theo bản án là bản vẽ hiện trạng ngày 01/3/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thoại Sơn)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá,án phí, về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

- Ngày 28/11/2019, bà Nguyễn Thị Kiều Lệ Trúc H(đại diện cho ông A) có đơn kháng cáo, yêu cầu Ông T, bà N phải trả lại đất diện tích 250m2 và 90.911.300đ. Lý do, năm 2009 bà C làm di chúc để lại cho ông A 250m2 đất, Ông T 225m2 đất, án sơ thẩm chỉ buộc trả trị giá 233,6m2 cho ông là không đúng.

- Ngày 02/12/2019, Ông T và bà N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự là bị đơn không rút đơn kháng cáo; Đối với nguyên đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc bị đơn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Về việc đòi số nợ 90.911.000 đồng, phía bị

đơn không có chứng cứ, chứng minh bị đơn vay tiền, vàng người khác cho nguyên đơn nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của cả nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm có kháng cáo nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với kháng cáo của phía nguyên đơn, xét thấy, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, như vậy xác định nguyên đơn đã từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Để có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận xét như sau:

[2.1] Án sơ thẩm nhận định:

Các đương sự thống nhất, mẹ là cụ Tạ Thị C được UBND huyện Thoại Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5474QSDĐ/hH ngày 28/7/2003 diện tích 798,1m^2, tọa lạc tại ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ngày 29/9/2009 cụ Chang lập di chúc cho ông A 250m^2 (10m x 25m), phần nhà và đất còn lại di chúc cho Ông T. Đến ngày 16/4/2014 cụ Chang lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 798,1m^2 cho Ông T, bà N.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và tại phiên tòa ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N đồng ý giao trả cho ông Đặng Minh A diện tích 233,6m^2 (theo bản vẽ hiện trạng ngày 01/3/2019), nhưng trả bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa các đương sự ông Đặng Minh A (do bà H đại diện theo ủy quyền) với ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N thống nhất diện tích đất tranh chấp thực tế là 233,6m^2 đất theo các điểm 14, 15, 16, 17, 18, 12, 13 thể hiện tại bản vẽ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thoại Sơn lập ngày 01/3/2019. Tuy nhiên hai bên chưa thống nhất về việc giải quyết vụ án cụ thể: ông A yêu cầu được nhận diện tích đất 233,6m^2, còn Ông T, bà N yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất này và trả giá trị đất cho ông A.

Qua xem xét các chứng cứ và qua tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy diện tích 233,6m^2 đất tranh chấp nằm trong diện tích 798,1m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông T, bà N và Ông T, bà N đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng diện tích đất đang tranh chấp.

Phía nguyên đơn (ông A) xác định ông A hiện nay vẫn đang sinh sống tại đất nước Thụy Sỹ và có quốc tịch Thụy Sỹ, ông A đã về hưu và được hưởng lương hưu ở đất nước Thụy Sỹ, mỗi năm ông về Việt Nam một lần thời gian khoảng 03 tuần đến 04 tuần và ông có hộ chiếu mang Quốc tịch Việt Nam được cấp ngày 09/7/2018 nên ông yêu cầu được nhận đất. Thấy rằng ông A là người Việt Nam định cư lâu dài tại đất nước Thụy Sỹ, hưởng lương hưu ở đất nước này, thời gian về Việt Nam ngắn chưa thể hiện có nhu cầu sử dụng đất. Hơn nữa theo diểm đ khoản 1 Điều 169 Luật đất đai năm 2013 thì ông A thuộc trường hợp không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó cần chấp nhận theo yêu cầu của Ông T, bà N cũng như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại chứng thư Thẩm định giá ngày 05/4/2019 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá miền nam giá trị tài sản 798,1m^2 đất thuộc Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Ông T bà N là 578.679.000đồng (mỗi mét vuông là 725.070 đồng). Do đó, Ông T bà N phải trả cho ông A giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 169.376000.000 đồng (tương đương 233,6m^2).

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đều thống nhất thừa nhận 233,6m^2 đất tranh chấp theo bản vẽ hiện trạng ngày 01/3/2019 là của cha mẹ cho ông A và đại diện ủy quyền nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho Ông T bà N, không còn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp mang tên ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N, như vậy đã có căn cứ xem xét không chấp nhận yêu cầu của ông A về yêu cầu hủy Giấy đất số CH01505 do UBND Thoại Sơn cấp ngày 24/4/2014 cho Ông T, bà N.

Đối với yêu cầu đòi lại tài sản:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 ông A yêu cầu Ông T bà N trả số tiền 90.911.000đồng, không yêu cầu tiền lãi và tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T, bà N thống nhất phía ông A có trả 90.911.000 đồng thay ông, bà tại Quỹ tín dụng nhân dân Vọng Đông. Nhưng cho rằng vào năm 2013 ông A có nhờ bà N vay dùm 10 chỉ vàng 24kara nên trừ cấn không nợ nần nhau.

Ông A không thừa nhận có nhờ bà N vay dùm vàng của bà Còn và bà Bắp. Ông T, bà N không có chứng cứ chứng minh ông A là người vay vàng của bà Còn và vay vàng, tiền bà Bắp. Hơn nữa hàng năm ông A có về Việt Nam nhưng Ông T, bà N không đặt vấn đề đòi nợ hay khởi kiện và khi ông A đưa tiền trả cho Quỹ tín dụng Vọng Đông để giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để anh em thỏa thuận chia đất theo ý nguyện của mẹ, lúc này thì cũng không đặt vấn đề trừ cấn nợ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông A đang giữ. Do đó lời trình bày của Ông T, bà N có vay nợ dùm cho ông A là không có cơ sở, nên khởi kiện của ông A là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 499 Bộ luật dân sự, Ông T bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 90.911.000 đồng.

[2.2] Từ những căn cứ nêu trên, án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử cấp phúc

thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Minh A.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Căn cứ, Điều 499 Bộ luật dân sự năm 2015; - Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh A.

Buộc ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N hoàn trả cho ông Đặng Minh A giá trị quyền sử dụng đất là 169.376.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng);*

Buộc ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh A số tiền 90.911.000đồng *(Chín mươi triệu chín trăm mười một ngàn đồng);*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh A về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04508 ngày 24/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp mang tên ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N.

Buộc ông Đặng Minh A giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04508 ngày 24/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp mang tên ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N cho ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N

Ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất là 233,6m^2 theo các điểm 14, 15, 16, 17, 18, 12, 13 thể hiện tại bản vẽ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thoại Sơn lập ngày

01/3/2019. (Kèm theo bản án là bản vẽ hiện trạng ngày 01/3/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thoại Sơn)

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Minh A, ông Đặng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bích N, mỗi 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0009720 ngày 19/12/2019 (Do bà Nguyễn Thị Kiều Lệ Trúc H nộp), số 0009727 và 0009728 ngày 24/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông A, Ông T và bà N đã thi hành xong phần án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (Án-TLQ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Minh